

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THUẬN HẠNH
Số: 227/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thuận Hạnh, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND, ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 15/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Hạnh về việc thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Dự toán thu, chi ngân sách xã; phương án phân bổ ngân sách cấp xã năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 64/TTr-KT ngày 19/8/2025 về việc đề nghị giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn xã Thuận Hạnh, cụ thể như sau:

1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn xã chi tiết theo các phụ biểu đính kèm.

2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã như sau:



a. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương theo thẩm quyền, đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

b. Chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách năm 2025 theo nguyên tắc tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025.

c. Thực hiện công khai và báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán đúng theo quy định.

Điều 2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể như sau:

1. Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công theo quy định.

2. Đề cao kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước; phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách năm 2025.

3. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính theo các Nghị quyết của trung ương, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở phương án tự chủ tài chính được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2025 theo quy định.

Điều 3. Triển khai thực hiện

1. Trưởng phòng Kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì phối hợp với các ban ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan:

Hướng dẫn các ban ngành, cơ quan, đơn vị cấp xã tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở số thu vượt dự toán và số chi phí phục vụ công tác thu ngân sách hàng năm, tính toán và trình Ủy ban nhân dân xã hỗ trợ một cách hợp lý, để chi trả cho các đối tượng có liên quan đến công tác thu vượt dự toán.

2. Trưởng thuế cơ sở 12, tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thu nộp ngân sách đúng quy định hiện hành; hướng dẫn, tạo

điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp có trụ sở ở địa phương khác nhưng phát sinh hoạt động sản xuất – kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện kê khai và nộp thuế cho ngân sách xã; duy trì và tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế tại địa phương.

3. Giám đốc Kho bạc Phòng giao dịch số 7- Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII hướng dẫn, triển khai các đơn vị dự toán thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 đảm bảo đúng quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị triển khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 đến từng đơn vị trực thuộc; đồng thời, thực hiện công khai và báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán đúng theo quy định.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng Thuế cơ sở 12 – tỉnh Lâm Đồng; Giám đốc Kho bạc Phòng giao dịch số 7 – Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- TT MTTQ xã;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



em

Lê Hồng Đô

Biểu mẫu số 15

(Ban hành kèm theo Nghị định số
31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Đơn vị: Ngàn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	C
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	91.986.000
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.731.000
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.232.000
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	499.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	90.255.000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	90.255.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	-
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
VI	Các khoản thu quản lý qua NSNN	
B	TỔNG CHI NSDP	91.986.000
I	Tổng chi cân đối NSDP	91.986.000
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	91.055.000
*	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL	281.165
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng ngân sách	931.000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
IV	Các khoản chi quản lý qua NSNN	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)	
I	Vay để bù đắp bội chi	
II	Vay để trả nợ gốc	

Biểu mẫu số 16

(Ban hành kèm theo Nghị định số

31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227 /QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

DVT: Ngân đồng

TT	Nội dung	Tổng thu	Trong đó	
			Tỉnh thu	Xã thu
A	B		3	4
	TỔNG THU NSNN	29.235.000	13.605.000	15.630.000
I	Thu nội địa	29.235.000	13.605.000	15.630.000
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý		-	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			
	- Thuế tài nguyên			
	- Thuế giá trị gia tăng		-	
	Trong đó: Thu từ thủy điện			
	- Thu khác			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	20.000	-	20.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.000		20.000
	- Thuế tài nguyên			
	- Thuế giá trị gia tăng			
	- Thu khác			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.605.000	1.605.000	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	230.000	230.000	
	- Thuế tài nguyên			
	- Thuế giá trị gia tăng	1.375.000	1.375.000	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	
	- Thuế tài nguyên	-	-	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.250.000	4.900.000	4.350.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.270.000		1.270.000
	- Thuế tài nguyên	1.730.000		1.730.000
	- Thuế giá trị gia tăng	6.245.000	4.900.000	1.345.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.000		5.000
	- Thu khác		-	
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.995.000	3.100.000	2.895.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	-	-	
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-	
7	Lệ phí trước bạ	6.048.000		6.048.000
8	Thu phí, lệ phí	869.000	-	869.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000		14.000
11	Bán nhà, cấp đất, thuê đất	4.540.000	4.000.000	540.000
-	Thu tiền sử dụng đất	4.000.000	4.000.000	
-	Bán nhà	-		
-	Thu tiền thuê đất trong nước	540.000		540.000
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	

TT	Nội dung	Tổng thu	Trong đó	
			Tỉnh thu	Xã thu
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-	
14	Thu khác ngân sách	894.000	-	894.000
	Thu tài chính	254.000		254.000
	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-		
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-		
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Tài nguyên nước	640.000		640.000
15	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)	-	-	
16	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)	-	-	
17	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)	-	-	
II	Thu từ dầu thô	-	-	
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	-	-	-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-	-
2	Thuế xuất khẩu	-	-	-
3	Thuế nhập khẩu	-	-	-
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-	-
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-	-
6	Thu khác		-	-
IV	Thu viện trợ		-	-
V	Các khoản thu quản lý qua NSNN			

Biểu mẫu số 17

(Ban hành kèm theo Nghị định số
31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Đơn vị: Ngàn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	2
	TỔNG CHI NSDP	91.986.000
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	91.986.000
I	Chi đầu tư phát triển (1)	
II	Chi thường xuyên	91.055.000
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	65.431.000
2	Chi khoa học và công nghệ	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
V	Dự phòng ngân sách	931.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

Biểu mẫu số 34

(Ban hành kèm theo Nghị định số
31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Đơn vị: Ngàn đồng

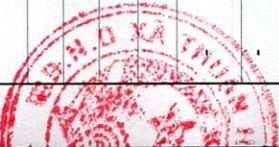
TT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	91.986.000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	91.986.000
I	Chi đầu tư phát triển	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	
2	Chi chương trình thông báo sau	
3	Chi đối ứng các Chương trình MTQG	
II	Chi thường xuyên	91.055.000
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	65.431.000
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
-	Chi quốc phòng	3.940.175
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.078.320
-	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	62.990
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	32.400
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	139.000
-	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	108.000
-	Chi các hoạt động kinh tế	302.273
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	19.566.531
-	Chi bảo đảm xã hội	191.300
-	Chi thường xuyên khác	203.011
III	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
IV	Dự phòng ngân sách	931.000
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỈNH CỎ QUẢN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Đơn vị: Ngân dòng

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số	91.986.000	-	91.055.000	-	-	931.000					
I	Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-						
1	Nguồn cân đối ngân sách địa phương											
2	Nguồn tiền sử dụng đất											
II	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-								
III	Các cơ quan tổ chức	91.055.000	-	91.055.000	-	-	-	-	-	-	-	
I	Số đã chi dự toán đầu năm tại xã Thuận Hạnh và Thuận Hà (trước sát nhập)	12.360.989	-	12.360.989	-	-	-	-	-	-	-	
-	UBND xã Thuận Hạnh	6.504.377		6.504.377								
-	UBND xã Thuận Hà	5.856.612		5.856.612								
2	Dự toán phân bổ các đơn vị	78.694.011	-	78.694.011								
2.1	Văn phòng Đảng uỷ	4.226.800		4.226.800								
2.2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	2.021.391		2.021.391								
2.3	Văn phòng HĐND & UBND	4.114.400		4.114.400								
2.4	Phòng Kinh tế	1.313.170		1.313.170								
2.5	Phòng Văn hóa	1.099.960		1.099.960								
2.6	Trung tâm hành chính công	567.000		567.000								
2.7	Trường MN Hoa ban	6.950.090		6.950.090								
2.8	Trường MN Hoa Mai	7.824.860		7.824.860								
2.9	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	11.853.930		11.853.930								
2.10	Trường TH Kim Đồng	11.485.730		11.485.730								
2.11	Trường THCS Nguyễn Du	13.630.040		13.630.040								
2.12	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	13.606.640		13.606.640								
-	Bậc tiểu học	6.700.130		6.700.130								
-	Bậc THCS	6.906.510		6.906.510								
3.13	Chi khác ngân sách xã	-		0								
3.14	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	-										
3.15	Đối ứng các CTMTQG	-										



TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, giảm chính tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-										
VI	Chi dự phòng ngân sách	931.000					931.000					
VII	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	-										
VIII	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	-										



DỰ TOÁN CHI THUỒNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CÁC XÃ CHO TUNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số. 2/7 /QĐ-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Biểu mẫu số 37

(Ban hành kèm theo Nghị định số
31/2017/NĐ-CP của Chính phủ)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227 /QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Văn Phòng HĐND và UBND

Mã QHNS: 1158654

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	4.114.400	
1	Kinh phí quản lý Nhà nước	4.114.400	
a	Kinh phí thực hiện tự chủ (chương 830 loại 340 khoản 341)	1.415.000	
-	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	1.115.000	
-	Hợp đồng lao động (Hợp đồng 111)	220.000	
-	Chi thường xuyên theo biên chế	80.000	
	Trong đó thực hiện CCTL	16.000	
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.699.400	
-	Phụ cấp tổ an ninh thôn bản (chương 830 loại 040 khoản 041)	436.000	
-	Thôn trưởng, phó thôn (chương 830 loại 340 khoản 341)	326.000	
-	Phụ cấp người cao tuổi (chương 830 loại 340 khoản 362)	23.000	
-	Hỗ trợ chi QLHC các khoản chi khác (chương 830 loại 340 khoản 341)	240.000	
-	Kinh phí cho các kỳ họp HĐND, kỳ họp chuyên đề và kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân (chương 830 loại 340 khoản 341)	80.000	
-	Ban chỉ huy quân sự xã (chương 830 loại 010 khoản 011)	1.153.000	
+	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	91.000	
+	Phụ cấp lực lượng BCT Quân sự xã	1.032.000	
+	Hỗ trợ tiền trực các ngày lễ trong năm	30.000	
-	Chi an ninh cơ sở theo NQ 03/2024/NQ-HĐND (chương 830 loại 040 khoản 041)	441.400	
+	Phụ cấp tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, bon	436.000	
+	Hỗ trợ để bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 300.000 đồng/01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở/01 năm.	5.400	
	Trong đó thực hiện CCTL	56.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Phòng Kinh tế

Mã QHNS: 1162715

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	1.313.170	
1	Kinh phí quản lý Nhà nước	1.115.170	
a	Kinh phí thực hiện tự chủ (Chương 831 loại 340 khoản 341)	825.897	
-	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	775.897	
-	Chi thường xuyên theo biên chế	50.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>10.000</i>	
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Chương 831 loại 340 khoản 341)	289.273	
-	Hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định 07/2012/QĐ-TTg (hỗ trợ 100.000 đồng/ha/năm kinh phí quản lý bảo vệ rừng do UBND xã trực tiếp quản lý)	70.273	
-	Mua máy vi tính, máy in, kết sắt phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo định mức tiêu chuẩn tại QĐ 15/2025/QDD-TTg)	15.000	
-	Hỗ trợ kinh phí tuần tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng trái phép	50.000	
-	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác kiểm tra hàng giả, hàng kém chất lượng, Giấy phép kinh doanh; công tác điều tra hộ nghèo, công nhận sản phẩm OCOP	25.000	
-	Phần mềm Quản lý và Lập báo cáo ngân sách	25.000	
-	Kinh phí hoạt động Ban Lâm nghiệp xã (18 triệu đồng/năm; diện tích lớn hơn 5,000 ha là 27 triệu đồng/năm)	27.000	
-	Mua phôi giấy chứng nhận sổ đỏ, mua phôi bì, giấy phép kinh doanh...	15.000	
-	Phô tô sổ địa chính	12.000	
-	Kinh phí giải toả hành lang An toàn giao thông	25.000	
-	Kinh phí điều tra hộ nghèo, cận nghèo	25.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>41.334</i>	
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (chương 831 loại 250 khoản 261)	108.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>10.800</i>	
3	Chi các hoạt động kinh tế (chương 831 loại 280 khoản 292)	90.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>9.000</i>	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Phòng Văn hoá - Xã hội

Mã QHNS: 1161663

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	1.099.960	
1	Kinh phí quản lý Nhà nước	830.400	
-	<i>Kinh phí thực hiện tự chủ (chương 832 loại 340 khoản 341)</i>	<i>830.400</i>	
+	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	780.400	
+	Chi thường xuyên theo biên chế	50.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>10.000</i>	
2	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn (chương 832 loại 190 khoản 191)	25.431	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>2.543</i>	
3	Sự nghiệp văn hóa (chương 832 loại 160 khoản 161)	36.999	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>3.700</i>	
4	Sự nghiệp thể dục thể thao (chương 832 loại 220 khoản 221)	77.420	
-	Đại hội Thể dục thể thao	77.420	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>15.484</i>	
5	Chi đảm bảo xã hội (chương 832 loại 370 khoản 398)	50.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>10.000</i>	
6	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	79.710	
-	<i>Quản lý chung của ngành giáo dục</i>	<i>79.710</i>	
+	<i>Kinh phí phát triển giáo dục Mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ -CP, ngày 8/9/2020 của Chính phủ (chương 832 loại 070 khoản 071)</i>	<i>22.546</i>	
+	<i>Bậc tiểu học (chương 832 loại 070 khoản 072)</i>	<i>25.000</i>	
+	<i>Bậc THCS (chương 832 loại 070 khoản 073)</i>	<i>32.164</i>	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227 /QĐ - UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thuận Hạnh
Mã QHNS: 1158653

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	567.000	
1	Kinh phí quản lý Nhà nước	567.000	
a	Kinh phí thực hiện tự chủ (chương 833 loại 340 khoản 341)	567.000	
-	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	532.000	
-	Chi thường xuyên theo biên chế	35.000	
	Trong đó thực hiện CCTL	7.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Văn phòng Đảng ủy xã Thuận Hạnh

Mã QHNS : 1157171



Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
I	Tổng cộng	4.226.800	
1	Kinh phí chi hoạt động (chi bằng lệnh chi tiền)	4.226.800	
a	Kinh phí thực hiện tự chủ (Chương 819 loại 340 khoản 351)	3.582.515	
-	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	3.342.515	
-	Hợp đồng lao động (Hợp đồng 111)	110.000	
-	Kinh phí chi thường xuyên	130.000	
	Trong đó thực hiện CCTL	26.000	
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Chương 819 loại 340 khoản 351)	644.285	
-	Chi phí khen thưởng đảng ủy	21.000	
-	Kinh phí xăng xe, bảo dưỡng sửa chữa ô tô	26.000	
-	Kinh phí Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030	161.940	
-	Kinh phí Phụ cấp bí thư chi bộ, phó bí thư chi bộ thôn, bon	332.325	
-	Kinh phí phụ cấp cán bộ cốt cán	16.440	
+	Phụ cấp hàng tháng (0,2 lần mức lương tối thiểu)	14.040	
+	Kinh phí thăm hỏi các ngày lễ, tết (400.000đ/người/năm)	2.400	
-	Kinh phí phụ cấp BCH Đảng ủy	84.240	
+	BCH (cũ) 24 người	81.900	
+	BCH (mới)	2.340	
-	Phụ cấp bảo vệ chính trị nội bộ	2.340	
	Trong đó thực hiện CCTL	20.894	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: UBMT Tổ Quốc Việt Nam xã Thuận Hạnh
Mã QHNS: 1160372

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	2.021.391	
I	Quản lý nhà nước, Đảng đoàn thể	2.021.391	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (Chương 820 loại 340 khoản 361)	1.218.291	
-	Kinh phí chi lương và các khoản có tính chất lương	1.158.291	
-	Chi thường xuyên theo định biên biên chế	60.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>12.000</i>	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Chương 820 loại 340 khoản 361)	803.100	
-	Hỗ trợ Kinh phí đại hội nhiệm kỳ thứ I nhiệm 2025-2030	50.000	
-	Kinh phí phụ cấp trưởng, phó các chi hội thôn, bon (Ban công tác mặt trận, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân, Hội	499.000	
-	Kinh phí tiếp xúc cử tri cho MTTQ xã theo NQ 29/2016/NQ-HĐND tỉnh Đắk Nông	21.700	
-	Hoạt động phí của các tổ chức chính trị- xã hội ở cấp xã theo nghị quyết 16/2023/NQ-HĐND (MTTQVN: 25Tr, Các tổ chức đoàn thể: 20Tr)	109.400	
-	Kinh phí hỗ trợ đối với UBMTTQ xã thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo NQ số 33/2018/NQ-HĐND	44.000	
-	Kinh phí hỗ trợ đối với Ban công tác MT ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo NQ số 33/2018/NQ-HĐND	79.000	
	<i>Trong đó thực hiện CCTL</i>	<i>30.410</i>	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Trường Mầm Non Hoa Ban

Mã QHNS: 1118376

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	6.950.090	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 071)	6.700.000	
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	6.211.500	
-	Chi thường xuyên theo Biên chế (đã trừ học phí số tiền : 48.000.000 đồng)	474.000	
-	Hỗ trợ tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	14.500	
2	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 071)	250.090	
-	KP Phát triển giáo dục Mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ - CP, ngày 8/9/2020 của Chính phủ.	53.280	
-	Kp thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ - CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ	49.950	
-	KP hỗ trợ học sinh DTTS thuộc hộ cận nghèo và thoát nghèo bền vững theo NQ11/2022/NQ - HĐND	8.100	
-	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	138.760	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Trường Mầm Non Hoa Mai

Mã QHNS:1111628

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	7.824.860	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 071)	7.568.200	
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	7.061.200	
-	Chi thường xuyên theo Biên chế (đã trừ học phí số tiền : 48.000.000 đồng)	492.000	
-	Hỗ trợ tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	15.000	
2	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 071)	256.660	
-	KP Phát triển giáo dục Mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ - CP, ngày 8/9/2020 của Chính phủ.	50.400	
-	Kp thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ - CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ	62.100	
-	KP hỗ trợ học sinh DTTS thuộc hộ cận nghèo và thoát nghèo bền vững theo NQ11/2022/NQ - HĐND	5.400	
-	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	138.760	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân

Mã QHNS: 1111615

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	11.853.930	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 072)	11.750.800	
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	11.066.300	
-	Chi thường xuyên theo Biên chế	666.000	
-	Hỗ trợ tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	18.500	
2	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 072)	103.130	
-	Kp thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ - CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ	28.350	
-	KP hỗ trợ học sinh DTTS thuộc hộ cận nghèo và thoát nghèo bền vững theo NQ11/2022/NQ - HĐND	5.400	
-	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	69.380	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Trường Tiểu học Kim Đồng

Mã QHNS: 1111618

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	11.485.730	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 072)	11.374.500	
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	10.653.000	
-	Chi thường xuyên theo Biên chế	702.000	
-	Hỗ trợ tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	19.500	
2	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 072)	111.230	
+	Kp thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ - CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ	35.100	
+	KP hỗ trợ học sinh DTTS thuộc hộ cận nghèo và thoát nghèo bền vững theo NQ11/2022/NQ - HĐND	6.750	
+	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	69.380	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 227/QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Trường Tiểu học Nguyễn Du

Mã QHNS:1094387

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	13.630.040	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 072)	13.355.400	
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	12.588.400	
-	Chi thường xuyên theo Biên chế	744.000	
-	Hỗ trợ tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	23.000	
2	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ (Chương 822, Loại 070, khoản 072)	274.640	
+	Kp thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ - CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ	182.370	
+	KP hỗ trợ học sinh DTTS thuộc hộ cận nghèo và thoát nghèo bền vững theo NQ11/2022/NQ - HĐND	27.000	
+	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	65.270	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 227 /QĐ - UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh)

Giao cho: Trường TH & THCS Bế Văn Đàn

Mã QHNS: 1129658



Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	13.606.640	
1	Bậc tiểu học (Chương 822, Loại 070, khoản 072)	6.700.130	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.572.700	
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	6.165.700	
-	Chi thường xuyên theo Biên chế (đã trừ học phí)	396.000	
-	Hỗ trợ tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	11.000	
b	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ	127.430	
-	Kp thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ - CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ	35.100	
-	KP hỗ trợ học sinh DTTS thuộc hộ cận nghèo và thoát nghèo bền vững theo NQ11/2022/NQ - HĐND	22.950	
-	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	69.380	
2	Bậc Trung học cơ sở (Chương 822, Loại 070, khoản 073)	6.906.510	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.816.000	
-	Chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương	6.420.500	
-	Chi thường xuyên theo Biên chế (đã trừ học phí số tiền : 1.080.000.000 đồng)	384.000	
-	Hỗ trợ tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh	11.500	
b	Kinh phí thường xuyên giao không tự chủ	90.510	
-	Kp thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ - CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ	78.360	
-	KP hỗ trợ học sinh DTTS thuộc hộ cận nghèo và thoát nghèo bền vững theo NQ11/2022/NQ - HĐND	12.150	